| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 378/2025/DS- PT<br>Ngày: 10- 9 -2025<br>V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Phương

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn A Đam

Ông Nguyễn Trọng Quế

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thúy Nguyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 8 năm 2025 và ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025, về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2025/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lữ Thị N, sinh năm 1973; CCCD số 096173009103 cấp ngày 10/05/2021 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau*)*

- Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1967 (có mặt).

Ông Võ Phan R, sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau*)*.

- *Người kháng cáo:* Bà Trương Thị L (là bị đơn).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyên đơn bà Lữ Thị N cho rằng, ngày 15/4/2022 (al) bà cho ông Võ Phan R, bà Trương Thị L vay số tiền 84.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 10/5/2022 (al), tiếp tục cho vay lần thứ hai với số tiền 15.000.000 đồng, lãi 370.000 đồng/tháng và lần thứ ba ngày 20/7/2022 (al) cho vay 50.000.000 đồng, lãi 1.250.000 đồng/tháng. Khi vay không có lập biên nhận nợ và cũng không qui định thời hạn trả nợ vay. Đến ngày 31/01/2023 thì tổng nợ và ông Võ Phan R, bà Trương Thị L ký biên nhận nợ hụi và nợ vay cho bà nhưng số nợ hụi bà đã khởi kiện và đã được giải quyết trong vụ kiện khác, Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Đối với số nợ vay thì bà Trương Thị L, ông Võ Phan R không trả cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu ông Võ Phan R, bà Trương Thị L cùng chịu trách nhiệm trả nợ vay cho bà tổng số tiền nợ vốn vay 149.000.000 đồng và nợ lãi 20%/năm kể từ ngày 31/01/2023 đến ngày 06/5/2024.

Bị đơn bà Trương Thị L cho rằng, năm 2017 bà có vay của bà Lữ Thị N 30.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 6.000.000 đồng/tháng, bà đã nộp lãi đủ. Đến năm 2021, do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 nên bà không tiếp tục đóng lãi cho bà Lữ Thị N. Tính đến ngày 15/4/2022, bà còn nợ bà Lữ Thị N 30.000.000 đồng tiền vay và 274.000.000 đồng nợ lãi và nợ hụi. Sau khi bà cố đất đã trả cho bà Lữ Thị N 190.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 84.000.000 đồng nên bà có ký vào sổ nợ cho bà Lữ Thị N. Chồng bà là ông Võ Phan R không biết việc bà vay tiền của bà Lữ Thị N. Vợ chồng bà không có ký tên vào biên nhận nợ tiền vay ngày 31/01/2023. Nay bà xác định là bà chỉ có nợ và đồng ý tự chịu trách nhiệm trả cho bà Lữ Thị N số tiền 84.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Quá trình tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm, ông Võ Phan R vắng mặt, không có ý kiến và yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2025/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 cuả Tòa án nhân dân huyện Phú Tân *(nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau) quyết định:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị N. Buộc bà Trương Thị L và ông Võ Phan R có nghĩa vụ trả cho bà Lữ Thị N số tiền nợ vay gốc và lãi là 186.592.700 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm) đồng. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/4/2025, bà Trương Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị N, chấp nhận yêu cầu của bà và ông Võ Phan R trả cho bà Lữ Thị N số tiền 84.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trương Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị L; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2025/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 cuả Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bà Trương Thị L được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét thủ tục tố tụng: Ông Võ Phan R đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt ông Võ Phan R là đúng qui định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ tranh chấp giữa các đương sự cho thấy, bà Lữ Thị N và bà Trương Thị L đều xác định có giao dịch vay tài sản và các bên tranh chấp với nhau về nghĩa vụ hoàn trả. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[4] Xét phạm vi tranh chấp: Bà Lữ Thị N căn cứ vào biên nhận nợ tiền vay, tiền hụi lập ngày 31/01/2023 để khởi kiện bà Trương Thị L, ông Võ Phan R đòi lại số tiền nợ vốn vay 149.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh từ 20%/năm từ ngày 31/01/2023 đến ngày 6/5/2024. Bà Trương Thị L chỉ thừa nhận có nợ và đồng ý có trách nhiệm tự trả nợ cho bà Lữ Thị N số tiền 84.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Xét về chứng cứ, để chứng minh cho lời khai của mình bà Lữ Thị N cung cấp biên nhận nợ lập ngày ngày 31/01/2023. Biên nhận nợ này có nội dung bà Trương Thị L, ông Võ Phan R nhận 02 phần nợ đối với bà Lữ Thị N. Trong đó, phần nợ vay 03 lần bằng 149.000.000 đồng vốn vay và phần nợ hụi là 210.000.000 đồng. Phần nợ hụi đã được bà Lữ Thị N khởi kiện và đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử tại các Bản án số: 168/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 và Bản án số: 57/2025/DS-ST ngày 21/3/2025. Còn lại phần nợ vay nên bà Lữ Thị N tiếp tục khởi kiện. Tuy biên nhận nợ lập ngày 31/01/2023 có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng việc xác nhận này không đảm bảo tính khách quan do Biên nhận nợ được bà Lữ Thị N nhờ ông Trương Minh H viết thay và việc xác nhận nợ của chính quyền địa phương trong khi không có mặt của vợ chồng ông Võ Phan R và bà Trương Thị L. Tuy nhiên, trong biên nhận nợ có ký xác nhận của bà Trương Thị L và ông Võ Phan R. Bà Trương Thị L không thừa nhận chữ viết tên của bà trong biên nhận nợ lập ngày 31/01/2023 mà bà cho rằng chỉ có ký vào giấy nợ trong sổ của bà Lữ Thị N. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trương Thị L không yêu cầu giám định đối với chứng cứ do bà Lữ Thị N cung cấp nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên nhận nợ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị N về số nợ vốn vay là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/8/2025, bà Trương Thị L yêu cầu được giám định đối với chữ viết tên của bà trong Biên nhận nợ do bà Lữ Thị N cung cấp. Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị L, ngừng phiên tòa để cho bà Trương Thị L thực hiện thủ tục yêu cầu giám định chữ viết trong chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bà Trương Thị L vẫn không thực hiện yêu cầu mà mình đã đặt ra, không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nên không thực hiện được việc giám định. Từ đó, bà Trương Thị L phải chịu trách nhiệm về nghĩa

vụ chứng minh của mình và có căn cứ xác định số nợ vốn vay mà bà Trương Thị L còn nợ bà Lữ Thị N tại Biên nhận nợ lập ngày 31/01/2023 với số tiền vốn vay là 149.000.000 đồng.

[5] Xét về việc trả tiền nợ vay, bà Lữ Thị N cho rằng bà Trương Thị L và ông Võ Phan R không có trả được số tiền nào trong số tiền vốn vay và lãi suất, còn bà Trương Thị L thì cho rằng ngày 15/4/2022, khi bà cố phần đất của gia đình cho người khác với giá 200.000.000 đồng thì bà Lữ Thị N đã lấy trừ nợ 190.000.000 đồng. Còn bà Lữ Thị N thì cho rằng, số tiền bà Trương Thị L cố đất thì bà Trương Thị L chỉ trả cho bà 163.200.000 đồng chứ không phải 190.000.000 đồng và số tiền 163.200.000 đồng là trả nợ hụi ngày trước đó chứ không phải trả nợ tiền vay và cũng không có trả nợ tiền hụi trong số nợ hụi xác lập ngày 31/01/2023.

Qua lời khai và sự thừa nhận của các đương sự cho thấy, bà Lữ Thị N thừa nhận có nhận số tiền 163.200.000 đồng do bà Trương Thị L trả từ ngày 15/4/2022 là trước ngày bà Trương Thị L xác lập Biên nhận nợ cho bà Lữ Thị N. Sau thời gian trả nợ trên cho đến ngày 31/01/2023 thì các bên tiến hành tổng nợ và lập giấy nhận nợ vào ngày 31/01/2023. Sau khi tổng hợp nợ thì bà Lữ Thị N cũng đã hai lần khởi kiện bà Trương Thị L để đòi lại tiền nợ hụi và cũng đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử tại Bản án số: 168/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 và Bản án số: 57/2025/DS-ST ngày 21/3/2025. Qua các lần tham gia tố tụng, bà Trương Thị L và bà Lữ Thị N đều không có ý kiến về số tiền 163.200.000 đồng mà bà Trương Thị L trả cho bà Lữ Thị N trước đó. Từ đó, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bà Trương Thị L về việc trả số tiền vốn vay 190.000.000 đồng.

[6] Về nghĩa vụ thanh toán nợ lãi: Bà Lữ Thị N yêu cầu bà Trương Thị L, ông Võ Phan R trả lãi từ ngày 31/01/2023 đến ngày 06/5/2024 với mức lãi suất 1.66%/tháng, bà Trương Thị L không đồng ý trả lãi. Xét yêu cầu trả lãi và mức lãi suất mà bà Lữ Thị N yêu cầu phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Lữ Thị N, buộc bà Trương Thị L, ông Võ Phan R trả 37.592.700 đồng tiền lãi là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm liên đới thanh toán nợ: Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Võ Phan R vắng mặt và cũng không có ý kiến về việc tranh chấp. Bà Trương Thị L xác định ông Võ Phan R không biết việc giao dịch hụi và vay tiền của bà với bà Lữ Thị N nên không đồng ý việc ông Võ Phan R cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Lữ Thị N. Tuy nhiên, bà Trương Thị L, ông Võ Phan R là vợ chồng, bà TRương Thị L xác định việc sử dụng tiền vay vào mục đích sinh hoạt, phát triển kinh tế gia đình. Ngoài ra, sau khi Bản án sơ thẩm buộc ông Võ Phan R cùng có trách nhiệm thanh toán nợ, ông Võ Phan R không kháng cáo. Tại đơn kháng cáo, bà Trương Thị L thống nhất cùng ông R thanh toán cho bà Lữ Thị N số tiền 84.000.000 đồng, không kháng cáo về nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ với ông Võ Phan R nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trương Thị L phải

chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2025/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân *(nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau).*

2. Áp dụng các Điều 26; 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 469 và 471 của Bộ luật dân sự; Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị N. Buộc bà Trương Thị L và ông Võ Phan R có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lữ Thị N số tiền vốn vay và lãi suất tổng cộng bằng 186.592.700 đồng. Trong đó, nợ vốn vay là 149.000.000 đồng và nợ lãi là 37.592.700 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lữ Thị N không phải chịu và được nhận lại số tiền 5.160.000 đồng đã dự nộp ngày 7/5/2024 tại biên lai số 0003475 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân *(nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau).* Bà Trương Thị L và ông Võ Phan R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.329.635 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã dự nộp ngày 22/4/2025 tại biên lai số 0004056 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân *(nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau).*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 3-Cà Mau;
- Phòng THA dân sự Khu vực 3-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Phương**